

PHỤ LỤC 4
KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ
(Kèm theo Phương án số /PA-UBND ngày / /2026 của UBND thành phố)

STT	Đơn vị, địa phương	Trước sắp xếp						Sau sắp xếp						Số lượng sắp xếp (tăng +, giảm -)						Tỷ lệ giảm (%)			
		Tổng	MN	TH	THCS	TH&THCS	THPT và các cơ sở khác	Tổng	MN	TH	THCS	TH&THCS	THPT và các cơ sở khác	Tổng	MN	TH	THCS	TH&THCS	THPT và các cơ sở khác				
TỔNG CỘNG (I+II):		976	976						452	452						-524	-524						-53,69%
I	ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CÔNG LẬP TRỰC THUỘC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	83					83	70					70	-13					-13	-15,66%			
II	ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CÔNG LẬP TRỰC THUỘC MỘT SỐ UBND XÃ, PHƯỜNG	893	295	323	233	42	0	382	123	113	96	50	0	-511	-172	-210	-137	8	0	-57,22%			
1	Phường Hải Châu	29	11	12	6	0		14	5	5	4	0		-15	-6	-7	-2	0		-51,72%			
2	Phường Hòa Cường	16	5	6	4	1		8	3	2	2	1		-8	-2	-4	-2	0		-50,00%			
3	Phường Thanh Khê	33	9	14	10			16	5	6	5			-17	-4	-8	-5	0		-51,52%			
4	Phường An Khê	12	3	6	3			6	2	2	2			-6	-1	-4	-1	0		-50,00%			
5	Phường An Hải	15	5	6	4	0		7	1	3	3			-8	-4	-3	-1	0		-53,33%			
6	Phường Sơn Trà	13	3	6	4	0		6	1	3	2	0		-7	-2	-3	-2	0		-53,85%			
7	Phường Ngũ Hành Sơn	19	7	8	4	0		9	3	4	2	0		-10	-4	-4	-2	0		-52,63%			
8	Phường Hòa Khánh	17	5	8	4	0		8	2	4	2	0		-9	-3	-4	-2	0		-52,94%			
9	Phường Liên Chiểu	10	4	4	2	0		5	2	2	1	0		-5	-2	-2	-1	0		-50,00%			
10	Phường Hải Vân	12	3	5	4	0		6	2	2	2	0		-6	-1	-3	-2	0		-50,00%			
11	Phường Cẩm Lệ	11	3	5	3	0		5	1	3	1	0		-6	-2	-2	-2	0		-54,55%			
12	Phường Hòa Xuân	13	4	6	3	0		6	2	2	2	0		-7	-2	-4	-1	0		-53,85%			
13	Phường Tam Kỳ	11	4	4	3	0		4	2	1	1	0		-7	-2	-3	-2	0		-63,64%			
14	Phường Quảng Phú	9	3	3	3	0		3	1	1	1	0		-6	-2	-2	-2	0		-66,67%			
15	Phường Bàn Thạch	9	3	4	2	0		4	1	2	1	0		-5	-2	-2	-1	0		-55,56%			
16	Phường Hương Trà	8	3	3	2	0		3	1			2		-5	-2	-3	-2	2		-62,50%			
17	Phường Điện Bàn	11	3	5	3	0		5	2	2	1	0		-6	-1	-3	-2	0		-54,55%			
18	Phường Điện Bàn Đông	17	5	7	5			8	2	3	3	0		-9	-3	-4	-2	0		-52,94%			
19	Phường An Thắng	10	3	4	3	0		3	1	1	1	0		-7	-2	-3	-2	0		-70,00%			
20	Phường Điện Bàn Bắc	10	3	4	3	0		3	1	1	1	0		-7	-2	-3	-2	0		-70,00%			
21	Phường Hội An	13	5	4	2	2		6	2	2	1	1		-7	-3	-2	-1	-1		-53,85%			
22	Phường Hội An Đông	8	3	3	2	0		3	1	1	1	0		-5	-2	-2	-1	0		-62,50%			
23	Phường Hội An Tây	11	4	4	3	0		3	1	1	1	0		-8	-3	-3	-2	0		-72,73%			
24	Xã Hòa Vang	8	3	3	2	0		4	1	2	1	0		-4	-2	-1	-1	0		-50,00%			
25	Xã Hòa Tiến	9	3	4	2	0		3	1	1	1	0		-6	-2	-3	-1	0		-66,67%			

STT	Đơn vị, địa phương	Trước sắp xếp						Sau sắp xếp						Số lượng sắp xếp (tăng +, giảm -)						Tỷ lệ giảm (%)
		Tổng	MN	TH	THCS	TH&THCS	THPT và các cơ sở khác	Tổng	MN	TH	THCS	TH&THCS	THPT và các cơ sở khác	Tổng	MN	TH	THCS	TH&THCS	THPT và các cơ sở khác	
26	Xã Bà Nà	7	2	3	2	0		3	1	1	1	0		-4	-1	-2	-1	0		-57,14%
27	Xã Núi Thành	18	5	8	5			3	1	1	1	0		-15	-4	-7	-4	0		-83,33%
28	Xã Tam Mỹ	9	3	3	3	0		3	1	1	1	0		-6	-2	-2	-2	0		-66,67%
29	Xã Tam Anh	9	3	3	3	0		3	1	1	1	0		-6	-2	-2	-2	0		-66,67%
30	Xã Đức Phú	6	2	2	2	0		3	1	1	1	0		-3	-1	-1	-1	0		-50,00%
31	Xã Tam Xuân	12	3	6	3			6	1	3	2	0		-6	-2	-3	-1	0		-50,00%
32	Xã Tam Hải	3	1	1	1	0		3	1	1	1	0		0	0	0	0	0		0,00%
33	Xã Tây Hồ	12	4	4	4	0		6	2	2	2	0		-6	-2	-2	-2	0		-50,00%
34	Xã Chiên Đàn	11	4	4	3	0		3	1	1	1	0		-8	-3	-3	-2	0		-72,73%
35	Xã Phú Ninh	8	3	3	2	0		4	1	1	1	1		-4	-2	-2	-1	1		-50,00%
36	Xã Lãnh Ngọc	8	3	2	2	1		3	1	1	1	0		-5	-2	-1	-1	-1		-62,50%
37	Xã Tiên Phước	12	4	4	4	0		6	2	2	2	0		-6	-2	-2	-2	0		-50,00%
38	Xã Thạnh Bình	12	4	4	4			6	2	2	2	0		-6	-2	-2	-2	0		-50,00%
39	Xã Sơn Cẩm Hà	11	4	3	3	1		3	1	1	1	0		-8	-3	-2	-2	-1		-72,73%
40	Xã Trà Liên	7	3	1	1	2		3	1	0	0	2		-4	-2	-1	-1	0		-57,14%
41	Xã Trà Giáp	5	2	1	1	1		3	1	1	1	0		-2	-1	0	0	-1		-40,00%
42	Xã Trà Tân	6	2	2	2	0		3	1			2		-3	-1	-2	-2	2		-50,00%
43	Xã Trà Đốc	8	3	3	2	0		3	1	1	1			-5	-2	-2	-1	0		-62,50%
44	Xã Trà My	13	5	4	4	0		6	2	2	2			-7	-3	-2	-2	0		-53,85%
45	Xã Nam Trà My	6	2	2	2	0		3	1	0	0	2		-3	-1	-2	-2	2		-50,00%
46	Xã Trà Tập	6	2	2	2	0		3	1			2		-3	-1	-2	-2	2		-50,00%
47	Xã Trà Vân	5	2	1	1	1		3	1	0	0	2		-2	-1	-1	-1	1		-40,00%
48	Xã Trà Linh	6	2	1	1	2		3	1			2		-3	-1	-1	-1	0		-50,00%
49	Xã Trà Leng	6	2	2	2	0		3	1	1	1	0		-3	-1	-1	-1	0		-50,00%
50	Xã Thăng Bình	16	5	7	4	0		8	2	4	2			-8	-3	-3	-2	0		-50,00%
51	Xã Thăng An	16	5	6	5	0		3	1	1	1	0		-13	-4	-5	-4	0		-81,25%
52	Xã Thăng Trường	9	3	3	3	0		4	1	2	1	0		-5	-2	-1	-2	0		-55,56%
53	Xã Thăng Điền	11	3	5	3	0		3	1	1	1	0		-8	-2	-4	-2	0		-72,73%
54	Xã Thăng Phú	8	3	2	2	1		3	1	1	1	0		-5	-2	-1	-1	-1		-62,50%
55	Xã Đồng Dương	10	4	3	2	1		5	2	2	1	0		-5	-2	-1	-1	-1		-50,00%
56	Xã Quế Sơn Trung	13	4	4	5	0		6	2	2	2	0		-7	-2	-2	-3	0		-53,85%
57	Xã Quế Sơn	15	5	5	5	0		3	1	1	1	0		-12	-4	-4	-4	0		-80,00%
58	Xã Xuân Phú	10	4	4	2	0		3	1	1	1	0		-7	-3	-3	-1	0		-70,00%
59	Xã Nông Sơn	7	2	3	2			3	1	1	1	0		-4	-1	-2	-1	0		-57,14%
60	Xã Quế Phước	6	2	0	0	4		3	1	1	1	0		-3	-1	1	1	-4		-50,00%
61	Xã Duy Nghĩa	10	3	4	3	0		3	1	1	1	0		-7	-2	-3	-2	0		-70,00%
62	Xã Nam Phước	14	4	6	4			3	1	1	1			-11	-3	-5	-3	0		-78,57%
63	Xã Duy Xuyên	9	3	3	3	0		4	1	0	0	3		-5	-2	-3	-3	3		-55,56%

STT	Đơn vị, địa phương	Trước sắp xếp						Sau sắp xếp						Số lượng sắp xếp (tăng +, giảm -)						Tỷ lệ giảm (%)
		Tổng	MN	TH	THCS	TH&THCS	THPT và các cơ sở khác	Tổng	MN	TH	THCS	TH&THCS	THPT và các cơ sở khác	Tổng	MN	TH	THCS	TH&THCS	THPT và các cơ sở khác	
64	Xã Thu Bồn	11	4	3	3	1		3	1	1	1	0		-8	-3	-2	-2	-1		-72,73%
65	Xã Điện Bàn Tây	12	3	6	3			4	1	2	1	0		-8	-2	-4	-2	0		-66,67%
66	Xã Gò Nổi	9	3	3	3			4	1	0	0	3		-5	-2	-3	-3	3		-55,56%
67	Xã Tân Hiệp	2	1			1		2	1	0		1		0	0	0	0	0		0,00%
68	Xã Đại Lộc	17	6	7	4	0		8	3	3	2	0		-9	-3	-4	-2	0		-52,94%
69	Xã Hà Nha	9	3	3	3	0		4	1	0	0	3		-5	-2	-3	-3	3		-55,56%
70	Xã Thượng Đức	8	3	2	2	1		4	1			3		-4	-2	-2	-2	2		-50,00%
71	Xã Vu Gia	9	3	3	3	0		4	1	0	0	3		-5	-2	-3	-3	3		-55,56%
72	Xã Phú Thuận	9	4	1	1	3		3	1	1	1			-6	-3	0	0	-3		-66,67%
73	Xã Thạnh Mỹ	5	1	2	2	0		3	1	0	1	1		-2	0	-2	-1	1		-40,00%
74	Xã Bến Giằng	6	2	2	1	1		3	1			2		-3	-1	-2	-1	1		-50,00%
75	Xã Nam Giang	4	1	2	1	0		3	1	1	1	0		-1	0	-1	0	0		-25,00%
76	Xã Đắc Pring	3	1	1	1			2	1	0	0	1		-1	0	-1	-1	1		-33,33%
77	Xã La Dêê	3	1	1	1	0		2	1	0	0	1		-1	0	-1	-1	1		-33,33%
78	Xã La Êê	3	1	1	1	0		2	1	0	0	1		-1	0	-1	-1	1		-33,33%
79	Xã Sông Vàng	5	2	1	1	1		3	1	0	0	2		-2	-1	-1	-1	1		-40,00%
80	Xã Sông Kôn	8	3	3	2	0		3	1	1	1	0		-5	-2	-2	-1	0		-62,50%
81	Xã Đông Giang	8	2	3	2	1		4	1	1	2	0		-4	-1	-2	0	-1		-50,00%
82	Xã Bến Hiên	5	2	1	1	1		3	1		1	1		-2	-1	-1	0	0		-40,00%
83	Xã Avương	5	2	2	1	0		2	1			1		-3	-1	-2	-1	1		-60,00%
84	Xã Tây Giang	9	3	3	2	1		4	1		1	2		-5	-2	-3	-1	1		-55,56%
85	Xã Hùng Sơn	7	2	3	1	1		2	1			1		-5	-1	-3	-1	0		-71,43%
86	Xã Hiệp Đức	7	3	1	1	2		3	1	1	1	0		-4	-2	0	0	-2		-57,14%
87	Xã Việt An	9	3	2	2	2		3	1	1	1	0		-6	-2	-1	-1	-2		-66,67%
88	Xã Phước Trà	6	2	3	1	0		3	1	1	1	0		-3	-1	-2	0	0		-50,00%
89	Xã Khâm Đức	5	2	1	1	1		2	1			1		-3	-1	-1	-1	0		-60,00%
90	Xã Phước Năng	5	2			3		2	1			1		-3	-1	0	0	-2		-60,00%
91	Xã Phước Chánh	3	1	1	1	0		3	1	1	1			0	0	0	0	0		0,00%
92	Xã Phước Thành	4	1	0	0	3		2	1			1		-2	0	0	0	-2		-50,00%
93	Xã Phước Hiệp	3	1			2		2	1			1		-1	0	0	0	-1		-33,33%